

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 30 - 12 - 2022

V/v: Tranh chấp về yêu cầu

không công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ngu

2. Ông Lê Văn Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **64/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2022** về việc **“Tranh chấp về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 164/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/12/2022 và thông báo về việc dời ngày mở phiên tòa dân sự sơ thẩm số 169/TB-TA ngày 20/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trang Thị H. Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Lài C. Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2021 và biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 11/10/2022, nguyên đơn bà Trang Thị H trình bày:

Bà Trang Thị H và ông Huỳnh Lài C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống thì ông, bà có 01 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày 18/01/2002.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông C lười lao động, ham mê cờ bạc, nhậu nhẹt, đối xử tệ bạc với vợ... ngày 18/9/2021 ông C còn có hành vi đánh bà sưng mắt trái, chảy máu mũi, miệng rách tươm máu.

Nay bà Trang Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Huỳnh Lài C.

Về con chung: Bà và ông Huỳnh Lài C có 01 con chung là Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày 18/01/2002. Hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Theo tờ văn bản đề đạt ý kiến ngày 04/4/2022 và đơn yêu cầu phản tố đề ngày 15/7/2022, bị đơn ông Huỳnh Lài C trình bày:

Ông và bà Trang Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống thì ông, bà có 01 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày 18/01/2002.

Nay bà Trang Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà H thì ông có ý kiến như sau:

Về hôn nhân và con chung thì ông thống nhất như yêu cầu của bà Trang Thị H.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, ông và bà Trang Thị H dành dụm sang được tất cả 03 công ruộng, cụ thể: Sang của em vợ tên Trang Văn T diện tích 1,5 công đất ruộng tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; sang của em vợ tên Trang Thị H1 diện tích 1,5 công đất ruộng tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và 01 căn nhà xây cất từ năm 2017 từ công sức của cả hai vợ chồng, căn nhà có giá trị 300.000.000 đồng. Do đó, ông yêu cầu được nhận 1,5 công đất ruộng tọa lạc ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và phân nửa giá trị căn nhà là 150.000.000 đồng.

Đồng thời, theo đơn yêu cầu phản tố đề ngày 15/7/2022 thì ông Huỳnh Lài C cho rằng ông và bà Trang Thị H có tài sản chung là căn nhà tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng có diện tích ngang 05m x dài 20m, căn nhà này là do ông và bà H xây dựng vào năm 2018 với chi phí là 300.000.000 đồng. Do đó, ông yêu cầu được lấy lại phân nửa giá trị căn nhà là 150.000.000 đồng để làm vốn sinh nhai khi bước chân ra đi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Trang Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trang Thị H và ông Huỳnh Lài C; Về con chung: Con chung của bà và ông Huỳnh Lài C đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Bà H tự trình bày là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Tranh chấp về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Trang Thị H có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Đối với bị đơn ông Huỳnh Lài C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Trang Thị H và bị đơn ông Huỳnh Lài C đều thừa nhận ông, bà chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc ông, bà không có đăng ký kết hôn cũng được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng xác nhận tại công văn số 365/UBND ngày 28/12/2022.

Như vậy, bà Trang Thị H và ông Huỳnh Lài C có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của ông, bà không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong quá trình chung sống, giữa bà Trang Thị H và ông Huỳnh Lài C phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà Trang Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Huỳnh Lài C. Phía bị đơn ông Huỳnh Lài C cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Trang Thị H. Do đó, Hội đồng

xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trang Thị H.

[2] Về con chung: Bà Trang Thị H và ông Huỳnh Lài C có 01 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày 18/01/2002 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên bà Trang Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Phía nguyên đơn bà Trang Thị H cho rằng bà và ông Huỳnh Lài C không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn phía ông Huỳnh Lài C cho rằng ông và bà H có tài sản chung là căn nhà tọa lạc tại số 53, ấp Giồng Chùa B, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và ông yêu cầu được chia ½ giá trị căn nhà này. Tuy nhiên, sau khi nhận đơn yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Lài C thì ngày 05/8/2022 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã ban hành thông báo số 01/TB-TA về việc yêu cầu ông Huỳnh Lài C sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật. Đến ngày 21/8/2022 ông Huỳnh Lài C đã nhận được thông báo nêu trên của Tòa án. Tuy nhiên, ông Huỳnh Lài C không thực hiện sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu phản tố theo yêu cầu của Tòa án trong thời hạn luật định. Do đó, Tòa án đã ban hành thông báo trả lại đơn phản tố cho ông Huỳnh Lài C theo quy định của pháp luật và ông Huỳnh Lài C cũng không có ý kiến đối với thông báo trả lại đơn phản tố của Tòa án nên coi như ông Huỳnh Lài C không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung. Do cả nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Trang Thị H tự trình bày là không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Trang Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trang Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trang Thị H và ông Huỳnh Lài C.

- Về con chung: Bà Trang Thị H và ông Huỳnh Lài C có 01 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày 18/01/2002 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên bà Trang Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Do cả nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trang Thị H tự trình bày là không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trang Thị H phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0003051 ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng; Như vậy, bà Trang Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Báo cáo đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thủy Lam